

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 03/2024/DS-ST
Ngày : 16-01-2024
V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Bích

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Ngọc Thơ
- Ông Bùi Văn Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Cẩm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Hồng Em – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 131/2023/TLST-DS ngày 11/10/2023 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 274/2023/QĐXXST-DS ngày 24/11/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 234/2023/QĐST - DS ngày 25/12/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S1;

Trụ sở: số B - B đường N, Phường H, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: ông Trần Minh S, chức vụ: Giám đốc Chi nhánh A;

Người đại diện theo ủy quyền lại: ông Chu Toàn T, chức vụ: chuyên viên quản lý nợ.

Địa chỉ nơi làm việc: Ngân hàng thương mại cổ phần S1 Chi nhánh A; số 333 đường T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Lê Hoàng T1, sinh năm 1999.

Nơi cư trú: tổ B, ấp H, thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang

Tại phiên tòa, ông Chu Toàn T đại diện cho nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin vắng mặt; bị đơn ông Lê Hoàng T1 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần S1 (viết tắt là Ngân hàng) trình bày:

Ngày 13/07/2018, ông Lê Hoàng T1 có ký với Ngân hàng thương mại cổ phần S1 (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông T1, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 12.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông T1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 20.100.000 đồng. Tổng số tiền phải thanh toán là 40.241.972 đồng, trong đó giao dịch: 20.100.000 đồng, phí trễ hạn: 1.580.476 đồng, lãi: 16.004.496 đồng, phí vượt hạn mức: 1.000.000 đồng, phí thường niên: 1.557.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, ông T1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 28.679.000 đồng, còn nợ số tiền: 11.562.972 đồng. Đến ngày 23/08/2022, ông T1 không còn thực hiện trả nợ cho Ngân hàng, qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông T1 vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Nay Ngân hàng thương mại cổ phần S1 khởi kiện yêu cầu ông T1 phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S1 do Ngân hàng thương mại cổ phần S1 chi nhánh A nhận số tiền tạm tính đến hết ngày 16/01/2024 là 19.746.492 đồng (Mười chín triệu, bảy trăm bốn mươi sáu nghìn, bốn trăm chín mươi hai đồng); trong đó dư nợ gốc 11.562.972 đồng; lãi trong hạn 5.455.680 đồng; lãi quá hạn 2.727.840 đồng. Ông T1 có trách nhiệm thanh toán khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 17 tháng 01 năm 2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng đã ký.

Bị đơn ông Lê Hoàng T1: Vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để giải quyết vụ án.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do, nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Do đó, Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn ông **Chu Toàn T**, đại diện Ngân hàng vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn ông **Lê Hoàng T1** vắng mặt, không cung cấp ý kiến, tài liệu, chứng cứ.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án nên chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 12068265/07/2018/AG ngày 13/7/2018 và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) có chữ ký của ông **T1** và ông **T1** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có ý kiến trình bày phản đối yêu cầu trên của nguyên đơn, các bên có giao kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm pháp luật, nội dung các bên đã thỏa thuận quyền và nghĩa vụ các bên, số tiền, mục đích vay và thời hạn vay, phương thức trả nợ, cam kết trả nợ,... do đó giao kết hợp đồng các bên có giá trị pháp lý. Vì ông **T1** vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không thực hiện đúng như nội dung thỏa thuận nên việc Ngân hàng yêu cầu ông **T1** thực hiện nghĩa vụ trả vốn gốc, lãi là có cơ sở theo quy định tại các Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Buộc ông **Lê Hoàng T1** có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền gốc, lãi chưa thanh toán theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 12068265/07/2018/AG ngày 13/7/2018 mà các bên đã ký kết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng khởi kiện ông **Lê Hoàng T1** yêu cầu trả tiền vốn vay và lãi phát sinh theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng đã ký. Bị đơn ông **T1** có nơi cư trú tại địa bàn **huyện C**. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

[2] Về tố tụng: Bị đơn ông **Lê Hoàng T1** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; đại diện nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Hội đồng xét xử xét thấy Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng và ông **T1** được xác lập theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 12068265/07/2018/AG ngày 13/7/2018 và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), hợp đồng được ký kết trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, hình thức và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Trong quá trình thực hiện hợp đồng phía ông **T1** đã không thực hiện nghĩa vụ trả vốn, lãi đúng hạn là vi phạm nghĩa vụ của bên vay và làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của bên cho vay. Trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án, ông **T1** không cung cấp tài liệu, chứng cứ và ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là cô tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Do đó, yêu cầu của Ngân hàng là có cơ sở để chấp nhận.

[3.2] Quá trình giao dịch rút tiền, trả lãi, phí và nợ gốc của ông **Lê Hoàng T1** được thể hiện qua các Bảng tóm tắt sao kê của Ngân hàng. Xét thấy sau khi trừ số tiền ông **T1** đã thanh toán thì xác định được số tiền gốc tính đến thời điểm ông **T1** dừng thanh toán, Ngân hàng có thông báo yêu cầu thanh toán, và đã chuyển sang nợ quá hạn. Ông **T1** không thanh toán số tiền đã rút đúng hạn cho Ngân hàng nên ngoài nghĩa vụ thanh toán nợ gốc thì ông **T1** còn phải trả các khoản lãi, phí cho Ngân hàng theo các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng mà ông **T1** đã ký với Ngân hàng. Do đó, việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông **T1** phải có nghĩa vụ trả vốn, lãi, phí theo hợp đồng tín dụng đã ký là có cơ sở chấp nhận.

[3.3] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc ông **Lê Hoàng T1** có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 16 tháng 01 năm 2024 là 19.746.492 đồng (Mười chín triệu, bảy trăm bốn mươi sáu nghìn, bốn trăm chín mươi hai đồng); trong đó dư nợ gốc 11.562.972 đồng (Mười một triệu, năm trăm sáu mươi hai nghìn, chín trăm bảy mươi hai đồng); lãi trong hạn 5.455.680 đồng (Năm triệu, bốn trăm năm mươi lăm nghìn, sáu trăm tám mươi đồng); lãi quá hạn 2.727.840 đồng (Hai triệu, bảy trăm hai mươi bảy nghìn, tám trăm bốn mươi đồng).

Đồng thời, kể từ ngày 17 tháng 01 năm 2024, buộc ông **Lê Hoàng T1** còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn Ngân hàng không phải chịu án phí sơ thẩm; bị đơn ông **Lê Hoàng T1** phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, các Điều 271, 273, 278, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Các Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Khoản 14 và khoản 16 Điều 4, Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng thương mại cổ phần S1** đối với ông **Lê Hoàng T1**.

- Buộc ông **Lê Hoàng T1** có nghĩa vụ trả cho **Ngân hàng thương mại cổ phần S1** do **Ngân hàng thương mại cổ phần S1 chi nhánh A** nhận tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 16/01/2024 là 19.746.492 đồng (Mười chín triệu, bảy trăm bốn mươi sáu nghìn, bốn trăm chín mươi hai đồng); trong đó dư nợ gốc 11.562.972 đồng (Mười một triệu, năm trăm sáu mươi hai nghìn, chín trăm bảy mươi hai đồng); lãi trong hạn 5.455.680 đồng (Năm triệu, bốn trăm năm mươi lăm nghìn, sáu trăm tám mươi đồng); lãi quá hạn 2.727.840 đồng (Hai triệu, bảy trăm hai mươi bảy nghìn, tám trăm bốn mươi đồng).

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (16 tháng 01 năm 2024) ông **Lê Hoàng T1** còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 12068265/07/2018/AG ngày 13/7/2018 và bảng Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng kèm theo, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 12068265/07/2018/AG ngày 13/7/2018 và bảng Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng kèm theo, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông **Lê Hoàng T1** phải chịu 987.000 đồng (Chín trăm tám mươi bảy nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn **Ngân hàng thương mại cổ phần S1** do **Ngân hàng thương mại cổ phần S1 chi nhánh A** nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 355.000 đồng (Ba trăm năm mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004532 ngày 10/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, **7a và 9** Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS H Châu Thành;
- VKSND H Châu Thành;
- TAND tỉnh An Giang ;
- Văn phòng ;
- Lưu hồ sơ.

Trần Thị Xuân Bích

[3.1] Hội đồng xét xử xét thấy giữa Ngân hàng và ông P có xác lập Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 3746512/06/2019/AG ngày 14/6/2019. Sau khi nhận tiền vay, ông L đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo định kỳ như thỏa thuận, nhưng từ ngày 10 tháng 01 năm 2022, ông L đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, vi phạm thỏa thuận. Tính đến ngày 24 tháng 8 năm 2023, ông L còn nợ lại Ngân hàng số tiền tổng cộng là 13.209.285 đồng, trong đó dư nợ gốc phải trả là 8.864.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 2.932.174 đồng, nợ lãi quá hạn là 1.389.186 đồng, phạt quá hạn (lãi tính trên nợ lãi) là 23.925 đồng. Xét thấy: Hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ được các bên giao kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Các bên đã tự nguyện thực hiện hợp đồng được một thời gian thì bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không thực hiện đúng các nội dung đã thỏa thuận giao kết. Điều này làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án, ông L không cung cấp tài liệu, chứng cứ và ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Do đó, yêu cầu của Ngân hàng là có cơ sở để chấp nhận.

[3.2] Đối với yêu cầu trả lãi của Ngân hàng, xét thấy: theo Điều 3 và Điều 5 của Hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ số LD1925200811 ngày 10 tháng 9 năm 2019, các bên đã thỏa thuận về việc bị đơn phải chịu lãi trong hạn, lãi quá hạn do chậm trả nợ gốc và lãi do chậm trả lãi. Ông L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 10 tháng 01 năm 2022, khoản vay của ông L đã chuyển sang nợ quá hạn từ thời điểm này theo thỏa thuận tại Điều 4 của Hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ số LD1925200811 ngày 10 tháng 9 năm 2019. Trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án, ông L không cung cấp tài liệu, chứng cứ và ý kiến phản đối về số tiền lãi, lãi suất phải chịu. Do đó, yêu cầu của Ngân hàng đối với phần tiền lãi, phạt quá hạn (lãi tính trên nợ lãi) là có cơ sở để chấp nhận.

[3.3] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc ông L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tổng số tiền 13.209.285 đồng (tính đến ngày 24 tháng 8 năm 2023). Đồng thời, kể từ ngày 24 tháng 8 năm 2023, buộc ông L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên Ngân hàng không phải chịu án phí sơ thẩm; ông L phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 238, các Điều 271, 273, 278, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Các Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Khoản 14 và khoản 16 Điều 4, Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng thương mại cổ phần S1** đối với ông **Trần L1**.

Buộc ông **Trần L1** có nghĩa vụ trả cho **Ngân hàng thương mại cổ phần S1** tổng số tiền 13.209.285 đồng (mười ba triệu hai trăm linh chín nghìn hai trăm tám mươi lăm đồng) tạm tính đến ngày 24 tháng 8 năm 2023, trong đó dư nợ gốc phải trả là 8.864.000 đồng (tám triệu tám trăm sáu mươi bốn nghìn đồng), nợ lãi trong hạn là 2.932.174 đồng (hai triệu chín trăm ba mươi hai nghìn một trăm bảy mươi bốn đồng), nợ lãi quá hạn là 1.389.186 đồng (một triệu ba trăm tám mươi chín nghìn một trăm tám mươi sáu đồng), phạt quá hạn (lãi tính trên nợ lãi) là 23.925 đồng (hai mươi ba nghìn chín trăm hai mươi lăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (24 tháng 8 năm 2023) ông **Trần L1** còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số LD1925200811 ngày 10 tháng 9 năm 2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số LD1925200811 ngày 10 tháng 9 năm 2019, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông **Trần L1** phải chịu 660.464 đồng (sáu trăm sáu mươi nghìn bốn trăm sáu mươi bốn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng thương mại cổ phần S1 không phải chịu án phí sơ thẩm nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 313.000 đồng (ba trăm mười ba nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001912 ngày 14 tháng 6 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
- Chi cục THADS TP Long Xuyên (1);
- VKSND TP Long Xuyên (1);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Văn phòng (2);
- Lưu hồ sơ (1).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thùy Giang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN –
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Mỹ Hương

Phan Hoàng Mai

Nguyễn Thùy Giang